

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ IN GIA HUY



BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN

**“GIA CÔNG IN CÁC SẢN PHẨM MAY MẶC
VỚI CÔNG SUẤT 9.600.000 SẢN PHẨM/NĂM”**

**Địa điểm thực hiện: Số 167/2 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây,
Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.**

Quận 12, tháng 02 năm 2023

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ IN GIA HUY

BÁO CÁO

ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN

“GIA CÔNG IN CÁC SẢN PHẨM MAY MẶC
VỚI CÔNG SUẤT 9.600.000 SẢN PHẨM/NĂM”

Địa điểm thực hiện: Số 167/2 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây,
Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

CHỦ DỰ ÁN

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Hải

Quận 12, tháng 02 năm 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	iii
DANH MỤC HÌNH	iii
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	1
1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ IN GIA HUY.....	1
2. Tên cơ sở: GIA CÔNG IN CÁC SẢN PHẨM MAY MẶC VỚI CÔNG SUẤT 9.600.000 SẢN PHẨM/NĂM.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của sản xuất của cơ sở.....	1
3.1 Công suất hoạt động của cơ sở:.....	1
3.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở	1
3.3 Sản phẩm của cơ sở	4
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, cung cấp nước của cơ sở.....	4
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI MÔI TRƯỜNG.....	9
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có).....	9
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)	9
Chương III.....	11
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	11
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	11
1.1 Thu gom, thoát nước mưa:.....	11
1.2 Thu gom, thoát nước thải:	11
1.3 Xử lý nước thải	12
2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	15
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	17
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	18
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở	19
6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	19
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	24
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.....	24
1.1 Nội dung đề nghị cấp phép xả thải	24
1.1.1 Nguồn phát sinh	24
1.1.2 Dòng thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải.....	24
1.1.3 Lưu lượng xả thải lớn nhất: 40 m ³ /ngày.đêm	24
1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.....	24
1.2.1 Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục	24
1.2.2 Kế hoạch vận hành thử nghiệm	25

1.2.3 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.....	26
2. Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải và yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải: không áp dụng	26
3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường.....	26
3.1 Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung	26
3.1.1 Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	26
3.1.2 Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	26
3.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.....	27
3.2.1 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	27
3.2.2 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.....	27
4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	27
4.1 Quản lý chất thải rắn.....	27
4.1.1 Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh	27
4.1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.....	28
4.2 Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	28
5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường	29
CHƯƠNG V.....	30
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	30
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	30
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	30
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	32
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	32
1.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	32
1.2 Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	32
2. Chương trình quan trắc chất thải.....	33
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: 40.000.000 đồng.....	33
Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	35
1. Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu.....	35
2. Cam kết thực hiện luật pháp, các quy định chung về bảo vệ môi trường.....	35

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Nhu cầu sử dụng nguyên, phụ liệu thực tế của Cơ sở	4
Bảng 1. 2 Nhu cầu sử dụng nhiên liệu	5
Bảng 1. 3 Thành phần hóa học của các hóa chất mà cơ sở sử dụng	5
Bảng 1. 4 Danh mục trang thiết bị, máy móc phục vụ cơ sở	6
Bảng 1. 5 Lưu lượng sử dụng nước cấp của công ty	7
Bảng 1. 6 Lượng nước sử dụng cho hoạt động tại cơ sở	7
Bảng 1. 7 Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở	8
Bảng 2. 1 Tọa độ vị trí khu đất của cơ sở	9
Bảng 3. 1 Hóa chất sử dụng trong XLNT	14
Bảng 3. 2 Chất lượng nước thải của Công ty	14
Bảng 3. 3 Chất lượng không khí tại khu vực công	16
Bảng 3. 4 Chất lượng môi trường không khí tại Khu vực sản xuất	17
Bảng 3. 5 Danh mục các chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở trong một năm	18
Bảng 5. 1 Kết quả chất lượng nước thải của cơ sở năm 2022	30
Bảng 5. 2 Kết quả chất lượng không khí của cơ sở năm 2022	30

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 2 Quy trình sản xuất của Cơ sở	2
Hình 1. 3 Quy trình phát triển mẫu của Cơ sở	3
Hình 2. 1 Vị trí cơ sở	10
Hình 3. 1 Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa	11
Hình 3. 2 Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	12
Hình 3. 3 Quy trình xử lý nước thải của công ty	13
Hình 3. 4 Hệ thống xử lý nước thải của công ty	15
Hình 3. 5 Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ	21

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ IN GIA HUY

– Địa chỉ văn phòng: Số 167/2 Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

– Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án: Ông TRẦN VĂN HẢI

– Điện thoại: 0908622825 Fax: “Không có” Email: “Không có”

– Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0316571271 được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/11/2020 (Đăng ký lần đầu).

2. Tên cơ sở: GIA CÔNG IN CÁC SẢN PHẨM MAY MẶC VỚI CÔNG SUẤT 9.600.000 SẢN PHẨM/NĂM

– Địa điểm cơ sở: Số 167/2 Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

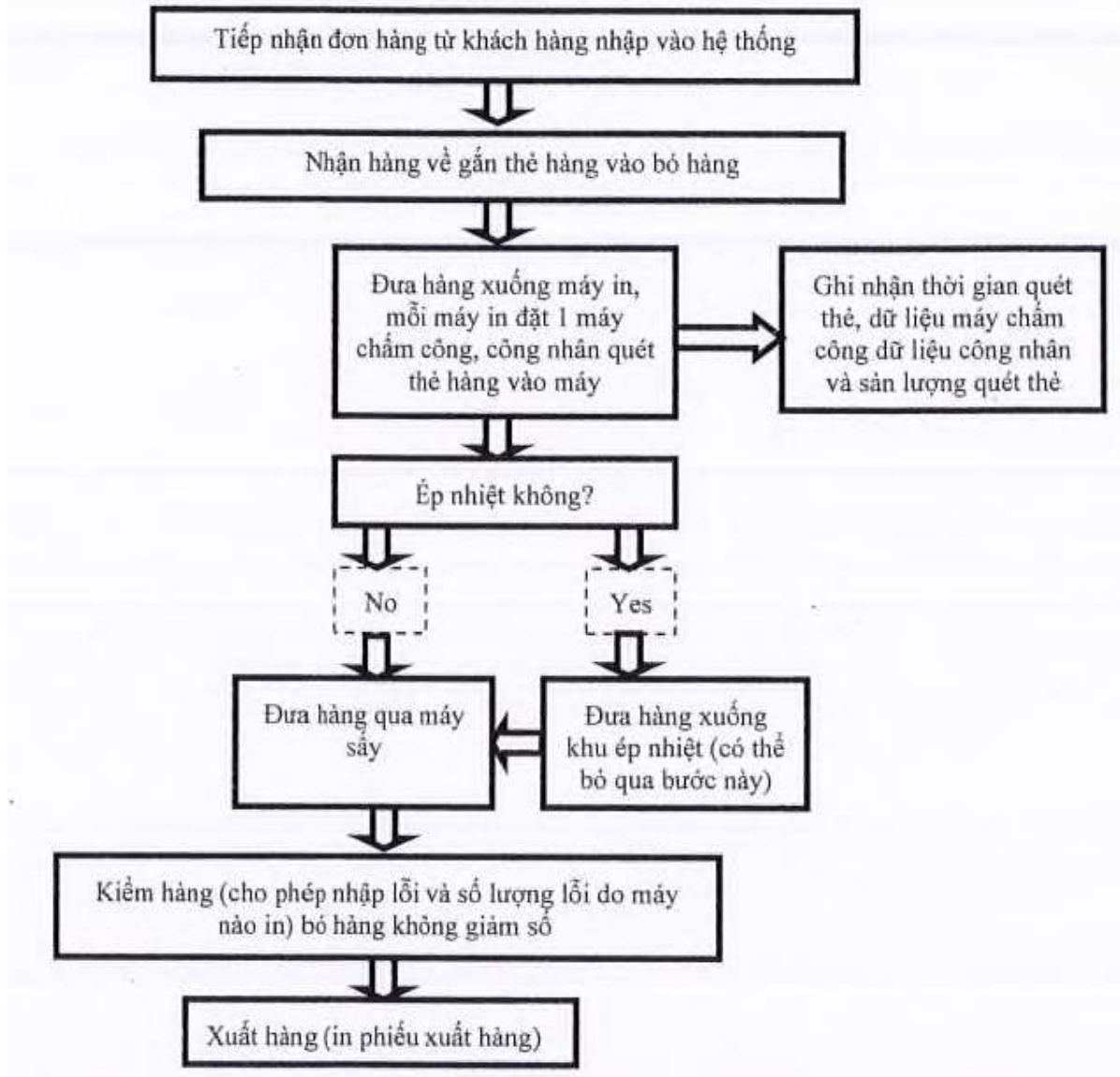
– Quy mô của dự án: Dự án thuộc khoản 14 (Dự án nhà máy in có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng) Điều 8 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14, Dự án đầu tư thuộc tiêu chí phân loại dự án nhóm C. Do đó, Dự án thuộc Danh mục các dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật bảo vệ môi trường theo quy định tại Mục II.2 phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Nội dung báo cáo được trình bày theo Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của sản xuất của cơ sở

3.1 Công suất hoạt động của cơ sở:

Gia công in các sản phẩm may mặc với công suất 9.600.000 sản phẩm/năm.

3.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở



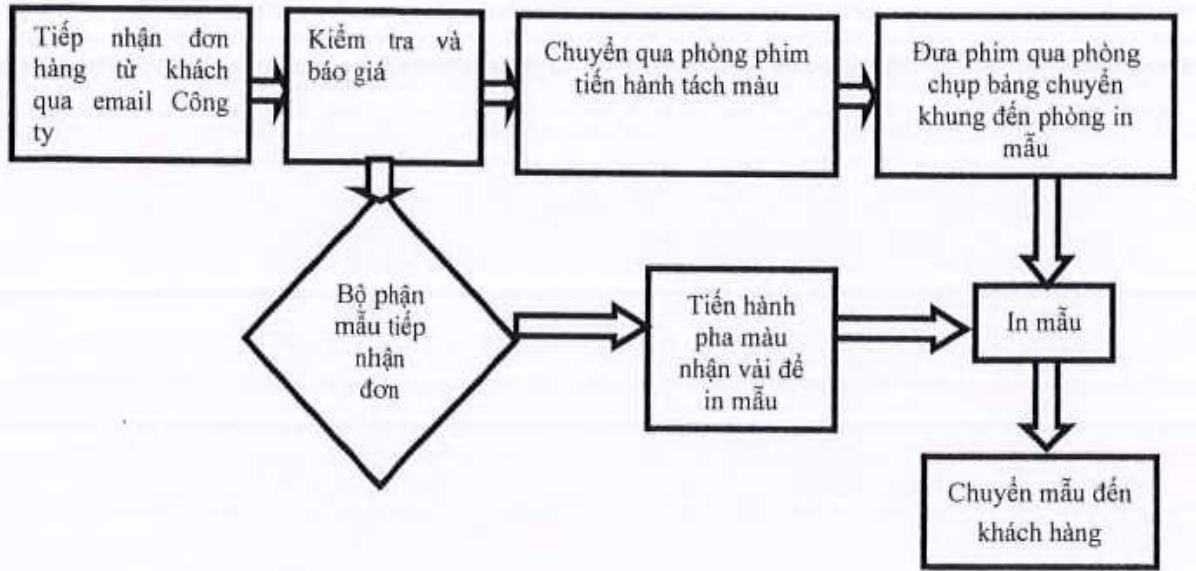
Hình 1. 1 Quy trình sản xuất của Cơ sở

Thuyết minh quy trình:

- Bước 1: Tiếp nhận đơn hàng từ khách hàng nhập vào hệ thống
- Bước 2: Nhận hàng về gắn thẻ hàng vào bó hàng
- Bước 3: Đưa hàng xuống máy in, mỗi máy in đặt 1 máy chấm công. Công nhân quét thẻ hàng vào máy.
 - Bước 4: Ghi nhận thời gian quét thẻ, dữ liệu máy chấm công dữ liệu công nhân và sản lượng quét thẻ.
- Bước 5: Ép nhiệt không?
 - + Yes: đưa hàng xuống khu ép nhiệt (có thể bỏ qua bước này).
 - + No: đưa hàng qua máy sấy
- Bước 6: Kiểm hàng (cho phép nhập lỗi và số lượng do máy nào in) bó hàng không giảm số.

– Bước 7: Xuất hàng (in phiếu hàng).

Quy trình phát triển mẫu của cơ sở như sau:



Hình 1. 2 Quy trình phát triển mẫu của Cơ sở

Thuyết minh quy trình:

- Bước 1: Tiếp nhận đơn hàng từ khách qua email Công ty
- Bước 2: Kiểm tra và báo giá
 - + Chuyển qua phòng phim tiến hành tách màu
 - Đưa phim qua phòng chụp bảng chuyển khung đến phòng in mẫu
 - In mẫu
 - + Bộ phận mẫu tiếp nhận đơn hàng mẫu
 - Tiến hành pha màu nhận vải để in mẫu
 - In mẫu
- Bước 3: Chuyển mẫu đến khách hàng

Một số hình ảnh sản xuất của Cơ sở:





Kiểm tra sản phẩm

3.3 Sản phẩm của cơ sở

Ngành nghề kinh doanh của Cơ sở là gia công in các sản phẩm may mặc, công suất 9.600.000 sản phẩm/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, cung cấp nước của cơ sở

✚ Giai đoạn hoạt động:

a/ Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng

Bảng 1. 1. Nhu cầu sử dụng nguyên, phụ liệu thực tế của Cơ sở

STT	Tên nguyên liệu, phụ liệu	Đơn vị	Khối lượng
1.	Sản phẩm may mặc	Cái/tháng	800.000
2.	Mực in	Kg/tháng	5.416
3.	Cốt màu	Kg/tháng	1.270
4.	Lưới lụa	Mét/tháng	3.971
5.	Keo ép	Kg/tháng	100
6.	Foil	Cây/tháng	40
7.	Kim tuyến	Kg/tháng	125
8.	Nhung ép	Kg/tháng	100
9.	Tang bám	Kg/tháng	30
10.	Chất hoàn tất	Kg/tháng	98
11.	Bảng in lụa	Bảng/tháng	2.000

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ in Gia Huy)

Bảng 1. 2 Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

STT	Loại nhiên liệu	Đơn vị	Khối lượng
1.	Dầu bôi trơn	Lít/tháng	100
2.	Giẻ lau	Kg/tháng	20

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ in Gia Huy)

Bảng 1. 3 Thành phần hóa học của các hóa chất mà cơ sở sử dụng

STT	Tên hóa chất	Tính chất hóa học – vật lý
1.	CLEAR 240N	Là chất kết dính đàn hồi gốc nước được sử dụng trên hỗn hợp Cotton, vải dệt kim. Bột màu trắng sữa
2.	AQUAPLAS CLEAR XM	Mực in để in sử dụng trên vải dệt Bột trắng mờ có độ nhớt cao Thành phần: acrylic (50-70%), Benzisothiazolion (BIT) (<0,00105%), nước (30-50%). Độc tính: hít phải hơi có thể gây kích ứng hệ hô hấp, có thể gây kích ứng tạm thời nếu các chất bắn vào mắt. Nuốt phải có thể gây đau dạ dày và nôn mửa.
3.	AQUAPLAS WHITE XM	Mực in để in sử dụng trên vải dệt Bột trắng mờ có độ nhớt cao Thành phần: acrylic (40-60%), titan dioxit silicat (20-30%), nước (20-30%). Độc tính: hít phải hơi có thể gây kích ứng hệ hô hấp, có thể gây kích ứng tạm thời nếu các chất bắn vào mắt. Nuốt phải có thể gây đau dạ dày và nôn mửa.
4.	ELASTISOL CLEAR MC	Mực in để sử dụng trên vải dệt Bột trắng mờ có độ nhớt cao Thành phần: acrylic (50-70%), Benzisothiazolion (BIT) (<0,00105%), nước (30-50%). Độc tính: hít phải hơi có thể gây kích ứng hệ hô hấp, có thể gây kích ứng tạm thời nếu các chất bắn vào mắt. Nuốt phải có thể gây đau dạ dày và nôn mửa.
5.	RUB FIXER	Bột trắng mờ có độ nhớt cao Thành phần: acrylic (40-60%), titan dioxit silicat (20-30%), nước (20-30%). Độc tính: hít phải hơi có thể gây kích ứng hệ hô hấp, có thể gây kích ứng tạm thời nếu các chất bắn vào mắt. Nuốt phải có thể gây đau dạ dày và nôn mửa.
6.	EMBOSS	Bột trắng mờ có độ nhớt cao

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên hóa chất	Tính chất hóa học – vật lý
		Thành phần: acrylic (40-60%), titan dioxit silicat (20-30%), nước (20-30%). Độc tính: hít phải hơi có thể gây kích ứng hệ hô hấp, có thể gây kích ứng tạm thời nếu các chất bắn vào mắt. Nuốt phải có thể gây đau dạ dày và nôn mửa.
7.	XYLENE	Số CAS: 1330-20-7 Là chất làm sạch, dung môi cho nhựa và cao su, keo dán, là nguyên liệu trong dược phẩm, xylene tinh khiết cũng được sử dụng trong phòng thí nghiệm. Thành phần nguy hiểm: Xylene (79 -82%), Ethylbenzene (18 -20%), Toluene (>1%). Chất lỏng, hơi rất dễ cháy. Các nguy hại sức khỏe: Độc hại khi hít phải hoặc tiếp xúc qua da, có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt, choáng váng, kích ứng nhẹ hệ hô hấp, kích ứng mắt vừa phải.

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ in Gia Huy)

Bảng 1. 4 Danh mục trang thiết bị, máy móc phục vụ cơ sở

TT	THIẾT BỊ	ĐVT	SỐ LƯỢNG		XUẤT XỨ	TÌNH TRẠNG
			KHBVMT	Thực tế		
1.	Máy in lưới lụa	Máy	05	11	Việt Nam	80%
2.	Máy ép nhiệt	Máy	09	-	Việt Nam	80%
3.	Máy nén khí	Máy	06	02	Việt Nam	80%
4.	Máy căng lưới	Máy	01	-	Việt Nam	80%
5.	Máy căng khung	Máy	01	01	Việt Nam	80%
6.	Máy xuất film	Máy	03	03	Việt Nam	80%
7.	Băng tải sấy	Máy	02	02	Việt Nam	80%
8.	Bình chứa khí	Máy	02	02	Việt Nam	80%
9.	Hệ thống PCCC	Máy	01	01	Việt Nam	80%
10.	Hệ thống máy làm mát	Máy	01	02	Việt Nam	80%
11.	Máy sấy trên bàn in tay	Máy	05	05	Việt Nam	80%
12.	Máy sấy băng tải	Máy	01	01	Việt Nam	80%
13.	Máy chụp film	Máy	01	01	Việt Nam	80%
14.	Máy xịt băng	Máy	01	01	Việt Nam	80%
15.	Máy ép nhiệt	Máy	08	08	Việt Nam	80%
16.	Bàn in tay	Máy	05	05	Việt Nam	80%
17.	Máy sấy trên máy in tròn	Máy	18	-	Việt Nam	80%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

TT	THIẾT BỊ	ĐVT	SỐ LƯỢNG		XUẤT XỨ	TÌNH TRẠNG
			KHBVMT	Thực tế		
18.	Máy sấy trên bàn in oval	Máy	28	-	Việt Nam	80%
19.	Máy in Epson	Máy	-	01	Việt Nam	80%

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ in Gia Huy)

c. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn nước cấp cho hoạt động của cơ sở là Tổng công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV.

Theo hóa đơn tiền nước:

Bảng 1. 5 Lưu lượng sử dụng nước cấp của công ty

STT	Tháng	Lưu lượng (m ³ /tháng)
1	Kỳ 8/2022	331
2	Kỳ 9/2022	349
3	Kỳ 10/2022	341
Tổng		1.021
Trung bình		340

Theo bảng 1.5, lưu lượng nước cấp trung bình tháng là 340 m³/ngày tương đương 13 m³/ngày.

❖ Nước cấp cho sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên

Bảng 1. 6 Lượng nước sử dụng cho hoạt động tại cơ sở

STT	Mục đích sử dụng	KHBVMT (m ³ /ngày)	Thực tế (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp cho sinh hoạt công nhân	4,5	04	Phát sinh nước thải Qthải = 100% Qcấp = 04 m ³ /ngày đêm
2	Nước cấp sử dụng rửa khung bản in	35	8	Phát sinh nước thải Qthải = 100% Qcấp = 8m ³ /ngày đêm
3	Nước tưới cây, rửa đường và PCCC	1,5	01	Không phát sinh nước thải
Tổng		41	13	Qthải = 12 (m³/ngày)

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ in Gia Huy)

e. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn điện cấp cho hoạt động sản xuất, thấp sáng của dự án là điện lực Quận 12 thông qua Công ty CP Đầu tư Giày An Giang.

Nhu cầu sử dụng điện 98.183 kW/tháng (theo hóa đơn tiền điện tháng 8,9,10/2022).

f. Các hạng mục công trình của cơ sở

Tổng diện tích khu đất cơ sở là 20.000m², không thay đổi so với bản đạt chuẩn môi trường đã được phê duyệt. Các hạng mục công trình của cơ sở trước không thay đổi. Cụ thể như sau:

Bảng 1. 7 Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Tên công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Các hạng mục công trình chính				
1.	Xưởng sản xuất	4.104	65,7	Hiện hữu
2.	Văn phòng tầng 1	216	3,5	Hiện hữu
3.	Kho 1	432	6,9	Hiện hữu
4.	Kho 2	562	9	Hiện hữu
Các hạng mục công trình phụ trợ				
1.	Căn tin + HTXLNT	407	6,5	Hiện hữu
2.	Nhà xe	312	5	Hiện hữu
Các hạng mục khác				
1.	Đường nội bộ, sân bãi	216	3,5	Hiện hữu
Tổng cộng		6.249	100	

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ in Gia Huy)

g. Các hạng mục công trình phụ trợ

Hệ thống giao thông (đã hoàn thiện):

– Hiện trạng cơ sở hạ tầng giao thông của khu vực triển khai cơ sở đều hoàn thiện và trải bê tông nhựa.

– Đường nội bộ trong khuôn viên Công ty đã được trải bê tông hoàn tất theo thiết kế và giấy phép xây dựng.

Hệ thống thông tin liên lạc (đã hoàn thiện)

– Hệ thống thông tin liên lạc tại khu vực hiện nay đã được đầu tư xây dựng, tạo sự phát triển nhanh chóng trong thời gian qua, có thể liên hệ bằng máy telex, fax, điện thoại truyền dẫn số .v.v...

Hệ thống cấp điện (đã hoàn thiện):

Hiện tại hệ thống điện đã đấu nối tạm điện vào nhà máy. Các hệ thống điện nội bộ đang triển khai các công đoạn cuối cùng để chuẩn bị cho hoạt động của cơ sở. Hệ thống cấp điện bao gồm đường dây trung thế, trạm biến áp, dây hạ thế, hệ thống chiếu sáng nội bộ .v.v...

Cây xanh (đã hoàn thiện):

Nhằm tạo cảnh quan chung cho toàn cơ sở và góp phần giảm thiểu các tác động từ hoạt động của nhà xưởng đến môi trường xung quanh, góp phần điều hòa vi khí hậu tại cơ sở. C bố trí trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở bố trí các thảm cỏ hài hòa với tổng thể khuôn viên của cơ sở.

Hệ thống PCCC (đã hoàn thiện):

Hiện tới giai đoạn hiện nay các công trình phục vụ cho PCCC đã cơ bản hoàn tất, nhà máy đã được cấp giấy thẩm duyệt thiết kế hệ thống PCCC. Công ty đã được cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 798/TD – PCCC được Phòng cảnh sát PCCC&CNCH cấp.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)

Cơ sở nằm tại 167/2 Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12 đã được xây dựng hoàn chỉnh và hoạt động bình thường.

– Cơ sở thuê nhà xưởng của Công ty CP đầu tư Giày An Giang theo hợp đồng thuê nhà xưởng số 04/AGS-GH ngày 14/11/2020 với diện tích 6.249m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00016/1a ngày 20/09/2005 của UBND Tp. Hồ Chí Minh, mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất kinh doanh đến ngày 27/10/2054).

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)

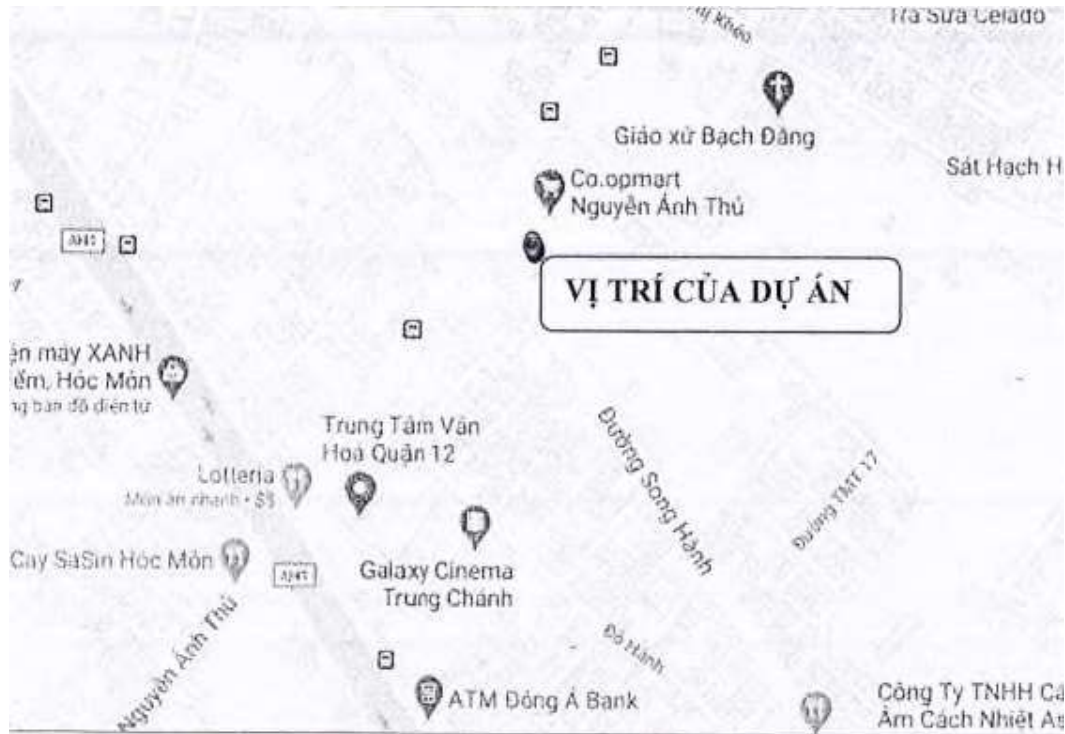
Cơ sở nằm tại số 167/2 Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh với diện tích mặt nhà xưởng sử dụng 6.249m². Với vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc : Giáp với kho siêu thị Coopmart
- Phía Nam : Giáp đường Song Hành Quốc lộ 22
- Phía Đông : Giáp giáp với nhà dân
- Phía Tây : Giáp giáp với siêu thị Coopmart

Tọa độ vị trí khu đất công ty như bảng 1.1 cùng với hình minh họa vị trí của khu đất như sơ đồ sau:

Bảng 2. 1 Tọa độ vị trí khu đất của cơ sở

Vị trí	Tọa độ X _{VN2000} (m)	Tọa độ Y _{VN2000} (m)
1	1200729	0593718
2	1200615	0593837
3	1200685	0593847
4	1200771	0593753



Hình 2. 1 Vị trí cơ sở

Xung quanh Cơ sở có các đối tượng kinh tế - xã hội cụ thể như sau:

- Công ty CP Vinatex Quốc Tế, Công ty cách âm cách nhiệt Asean,...
- Trung tâm văn hóa quận 12, siêu thị Coopmart Nguyễn Ảnh Thủ, Trường Cao Đẳng giao thông vận tải Tp. Hồ Chí Minh,...
- Xung quanh khu vực trong vòng bán kính 1 km không có các công trình văn hóa, di tích lịch sử, hệ thống núi đồi, khu bảo tồn thiên nhiên (đền tưởng niệm Nguyễn An Ninh).

Hiện trạng sử dụng đất: Khu đất được Công ty thuê lại một phần diện tích 6.249m² của Công ty CP đầu tư giày an giang (Căn cứ theo hợp đồng thuê nhà xưởng số 04/AGS-GH ngày 14/11/2020 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00016/1a NGÀY 20/09/2005 của UBND Tp. HCM, mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất kinh doanh đến ngày 27/10/2054).

Chương III.

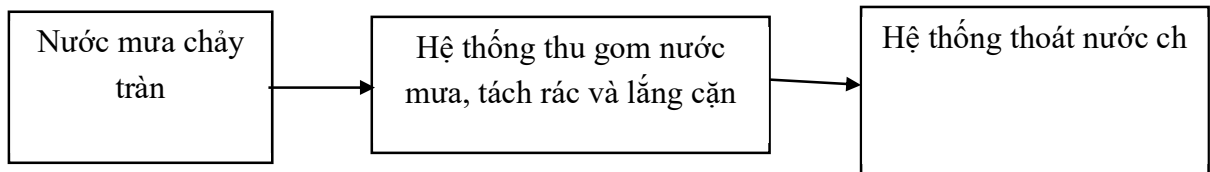
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1 Thu gom, thoát nước mưa:

Nước mưa chảy tràn được quy ước là nước sạch, chỉ có mưa đợt đầu (khoảng 10 phút) có khả năng nhiễm bẩn do kéo theo các chất rắn, bụi, đất cát trên bề mặt. So với tiêu chuẩn nước thải thì nước mưa chảy tràn tương đối sạch do đó có thể tách riêng biệt đường nước mưa ra khỏi nước thải bằng cách xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng, cùng các hố ga có song chắn rác, kết hợp với việc quản lý tốt nguyên liệu, phế phẩm để tránh gây nhiễm bẩn nước mưa.

Hệ thống thoát nước mưa từ mái nhà được thu gom bằng các ống máng chảy theo ống PVC vào cống thoát nước mưa bằng bê tông xung quanh cơ sở và chảy vào hệ thống thu gom nước mưa chung của khu vực.



Hình 3. 1 Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa

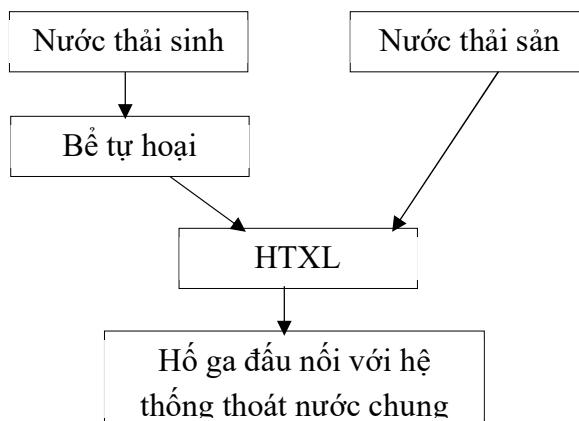
Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế bao gồm máng dẫn nước, ống đứng, rãnh thoát nước mưa có nắp đan, rãnh hở. Máng dẫn nước được bố trí tại viền mép mái nhà xưởng (độ dốc mái 15-20%). Tại đầu các ống đứng có lắp đặt các phễu thu và lưới chắn rác để giữ lại rác, lá cây, cặn bẩn,... tránh làm tắc đường ống.

Hệ thống thu gom nước mưa dọc theo các tuyến đường nội bộ của Nhà máy, được chảy vào cống BT D600 có độ dốc $i = 0,2 \div 0,35\%$.

Phương thức xả nước mưa: tự chảy

Định kỳ công ty bố trí cán bộ kiểm tra hệ thống thoát nước mưa chảy tràn, nạo vét hố ga tránh tình trạng tắc nghẽn, đặc biệt là vào mùa mưa

1.2 Thu gom, thoát nước thải:



Nước thải sinh hoạt:

– Nước thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên như hoạt động rửa tay chân, nước thải từ nhà vệ sinh với lưu lượng 4 m³/ngày. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu trong nước thải sinh hoạt gồm: Các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh gây bệnh (Coliform, E.Coli). Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó dẫn về HTXL nước thải 40 m³/ngày của cơ sở xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu vực.

Nước thải sản xuất:

– Nước thải trong quá trình sản xuất của cơ sở bao gồm nước thải từ quá trình rửa khung in với lưu lượng 08 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm: độ màu và hàm lượng cặn lơ lửng cao, nếu không xử lý sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường. Nước thải được thu gom bằng đường ống PVC D60 về HTXL nước thải 40 m³/ngày của cơ sở xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước chung của khu vực.

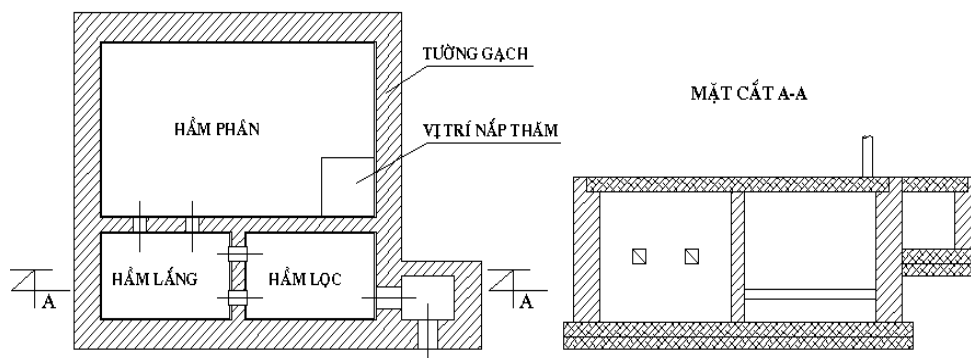
1.3 Xử lý nước thải

a/ Nước thải sinh hoạt:

Biện pháp khắc phục:

Đối với nước thải từ nhà vệ sinh:

Nước thải từ nhà vệ sinh phát sinh (âu tiêu, bệ xí) với lưu lượng khoảng 04 m³/ngày sẽ được thu gom bằng đường ống riêng, sau đó được tiên xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Cấu tạo các bể như sau:



Hình 3. 2 Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

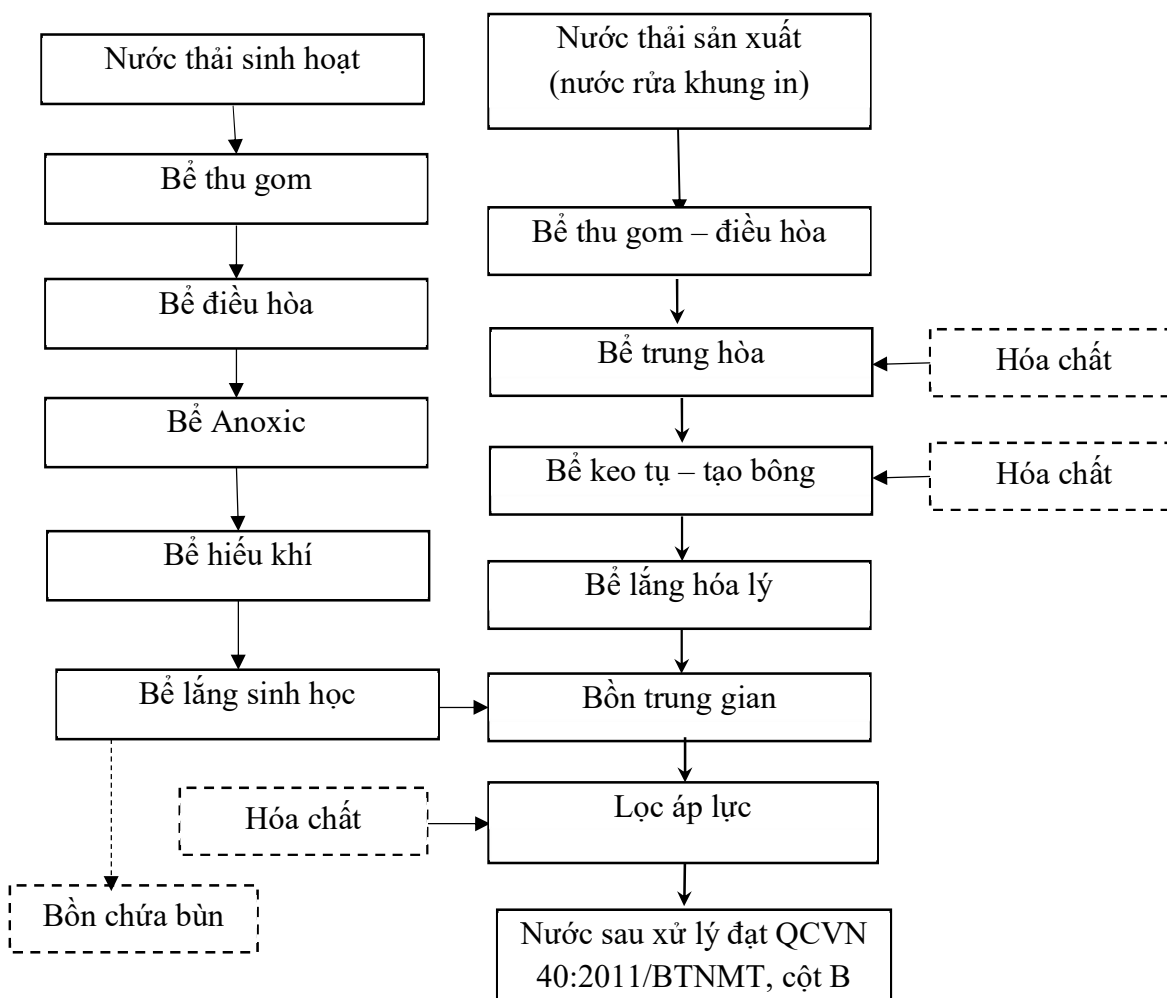
Bể tự hoại 3 ngăn sẽ thực hiện đồng thời 2 chức năng: lắng cặn và xử lý sinh học chất hữu cơ. Trong khoảng thời gian chứa từ 6 – 8 tháng, cặn tươi sẽ bị phân hủy sinh học trong điều kiện kỵ khí sinh gas và các chất vô cơ hòa tan.

Vì vậy, sau khi nước thải đi qua bể tự hoại sẽ được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải của công ty đã xử lý đạt quy chuẩn trước khi nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

b/ Nước thải sản xuất

Nguồn phát sinh: nước thải phát sinh từ quá trình rửa khung bản in với lưu lượng 08 m³/ngày.

Biện pháp khắc phục:



Hình 3. 3 Quy trình xử lý nước thải của công ty

Thuyết minh quy trình công nghệ

Nước thải phát sinh từ 2 nguồn: nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất sẽ được tập trung vào bể thu gom, tại đây có lắp đặt song chắn rác nhằm loại bỏ các cặn rác lớn tránh gây tắc nghẽn bơm. Nước tiếp tục được đưa qua bể điều hòa. Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ, khắc phục các vấn đề sinh ra do sự dao động của lưu lượng và nồng độ nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của các quá trình tiếp theo. Bể điều hòa được lắp đặt 02 bơm chìm hoạt động luân phiên để bơm nước lên bể trung hòa nhằm điều chỉnh pH trong nước thải về mức trung tính để các quá trình phản ứng ở công trình sau diễn ra hiệu quả. Nước thải sau khi được trung hòa được dẫn sang bể keo tụ - tạo bông thì các tạp chất lơ lửng trong nước sẽ được phân cực nhờ PAC, quá trình này diễn ra ở pH trung tính 7 – 8 là tối ưu, tiếp đó ta châm cực chất Polymer vào để liên kết các bông cặn

thành các bông bùn có kích thước lớn. Nước tiếp tục tự chảy qua bể lắng hóa lý tại đây các bông bùn hình thành sẽ được lắng xuống đáy và định kỳ đưa về bồn chứa bùn đem đi xử lý. Nước sau bể lắng hóa lý sẽ tự chảy về bồn trung gian.

Song song với đó, nước thải từ quá trình sinh hoạt được dẫn về bể thu gom tại đây có lắp đặt song chắn rác nhằm loại bỏ các cặn rác lớn tránh gây tắc nghẽn bơm. Nước tiếp tục được đưa qua bể điều hòa nhờ 2 bơm nước thải chìm hoạt động luân phiên. Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ, khắc phục các vấn đề sinh ra do sự dao động của lưu lượng và nồng độ nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của các quá trình tiếp theo. Nước sau bể điều hòa tự chảy sang bể anoxic.

Tại bể Anoxic, nước thải sẽ được sục khí nhẹ nhằm giảm nồng độ các hợp chất nito, photpho trước khi qua xử lý vi sinh hiếu khí. Khi nước chảy qua bể vi sinh Aerotank, tại đây vi sinh vật chuyển hóa các chất ô nhiễm trong nước thải thành sinh khối. Cùng với đó là hệ thống sục khí trong bể để cung cấp khí cho vi sinh vật hữu ích. Để đảm bảo được quá trình hoạt động được thuận lợi, hiệu quả tốt nhất có thể. Theo đó, nồng độ các chất ô nhiễm (COD, BOD, NH₄⁺,... ngày càng giảm và sinh khối vi sinh vật càng tăng. Để loại bỏ phần sinh khối tăng thêm này, nước thải được đưa đến bể lắng sinh học. Tại đây, quá trình lắng cặn bùn sinh học (sinh khối vi sinh vật) diễn ra theo cơ chế lắng trọng lực. Bùn cặn dưới tác dụng của trọng lực dần lắng xuống đáy bể theo thời gian. Phần nước trong phía trên được đưa qua bồn chứa nước trung gian trước khi được bơm qua cột lọc áp lực loại bỏ thành phần có kích thước lớn và được châm dung dịch Chlorine để khử trùng trước khi dẫn ra ngoài).

Danh sách hóa chất sử dụng trong quá trình XLNT

Bảng 3. 1 Hóa chất sử dụng trong XLNT

STT	Hóa chất	Xuất xứ	Đơn vị	Khối lượng/tháng	Mục đích sử dụng
1	PAC	Việt Nam	kg	5,2	Chất tạo keo tụ
2	Chất trợ keo tụ (Polime)	Anh	kg	2,6	Chất trợ keo tụ
3	NaOH (98%)	Trung Quốc, Việt Nam	lít	5,2	Điều chỉnh pH
4	Chlorin (Cl ₂)	Nhật	Kg	260	Khử trùng nước thải

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ in Gia Huy)

Đánh giá hiệu quả:

Tham khảo kết quả phân tích chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý của Công ty:

Bảng 3. 2 Chất lượng nước thải của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	9/6/2022	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B
1.	pH	-	6,64	5,5 – 9
2.	TSS	mg/L	46	100

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	9/6/2022	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B
3.	COD	mg/L	62	150
4.	BOD ₅	mg/L	27	50
5.	Tổng N	mg/L	8,95	40
6.	Tổng P	mg/L	1,12	6
7.	Amoni	mg/L	2,31	10
8.	Zn	mg/L	0,094	3
9.	Ni	mg/L	0,031	0,5
10.	Cr (VI)	mg/L	KPH	0,1
11.	As	mg/L	KPH	0,1
12.	Độ màu	mg/L	49,6	150
13.	Coliform	MPN/100ml	3.100	5.000

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ in Gia Huy)

Nhận xét: Qua bảng cho thấy chất lượng nước thải nằm trong QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Vì vậy, hệ thống xử lý nước thải của Công ty vẫn còn khả năng xử lý tốt.



Hình 3. 4 Hệ thống xử lý nước thải của công ty

2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

➤ **Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển**

- Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới sẽ đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động

- Bê tông hóa các tuyến đường giao thông nội bộ. Thường xuyên tưới nước làm mát và giảm bụi sa lắng phát tán.
- Không sử dụng các loại xe vận chuyển đã hết hạn sử dụng.
- Điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều phương tiện giao thông hoạt động trong cơ sở cùng thời điểm.
- Xây dựng đường nội bộ hoàn chỉnh và tiến hành phân tuyến đường nội bộ để đảm bảo giao thông thông suốt.
- Phun nước sân bãi, đường nội bộ vào những ngày nắng nóng để giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào cơ sở.
- Quy định tốc độ đối với các phương tiện di chuyển trong khuôn viên cơ sở.
- Đối với các phương tiện vận chuyển thuộc tài sản của công ty, công ty luôn tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.
- Các biện pháp trên sẽ được tiến hành trong suốt quá trình hoạt động của dự án. Áp dụng các biện pháp trên, tác động của tiếng ồn và khí thải có thể được giảm thiểu khoảng 70 – 90%.

Để đánh giá chất lượng môi trường không khí tại khu vực, tham khảo kết quả quan trắc định kỳ của Công ty:

Bảng 3. 3 Chất lượng không khí tại khu vực cổng

Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	Benzen (mg/m ³)	Toluen (mg/m ³)
Khu vực cổng	9/6/2022	0,15	1,36	0,045	0,017	KPH	KPH
QCVN 05:2013/BTNMT		0,3	30	0,35	0,2	--	--

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ in Gia Huy)

➤ **Bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn sản xuất:**

Trong quá trình sản xuất, các công đoạn phát sinh hơi dung môi, hơi keo chủ yếu từ quá trình xử lý bề mặt lưới khuôn in, pha mực in, công đoạn quét keo và sấy keo.

Quá trình sản xuất sử dụng các loại hóa chất sẽ phát sinh một lượng lớn hơi dung môi dễ bay hơi

Các chất hữu cơ bay hơi (VOC_s) trong mực in, chất làm sạch như Xylen, Toluen, Etylbenzen,....

➤ **Nồng độ hơi dung môi từ quá trình pha mực in, in Logo, in và sấy**

Theo Assessment of Sources of Air, Water and Land Pollution, của Alexander P.Economopoulos, hệ số ô nhiễm khí thải phát sinh đối với mực in là 360 kg VOCs/tấn mực in, dung môi mực in sử dụng. Tổng khối lượng hóa chất đầu vào bao gồm: mực in, cốt màu là 80,232 tấn nguyên liệu/năm thì tải lượng hơi dung môi phát sinh như sau:

$$360 \text{ kg VOCs/tấn} \times 80,232 \text{ tấn/năm} = 28.883,52 \text{ kg/năm} = 96,6\text{kg/ngày} = 11,6 \text{ kg/h}$$

Thể tích vùng chịu ảnh hưởng:

$$V = \text{diện tích khu vực tạo sợi PP} \times \text{chiều cao ảnh hưởng} = 4.104 \times 1,8 = 7.387,2\text{m}^3$$

Như vậy nồng độ hơi dung môi tại khu vực này khi chưa có các giải pháp thông thoáng xử lý là: $11,6 \text{ kg/h} : 7.387,2 \text{ m}^3 = 1,57 \text{ mg/m}^3/\text{h}$.

Căn cứ bảng thành phần và tính chất nguyên liệu, VOC phát sinh gồm:

STT	Thông số	NỒNG ĐỘ (mg/m ³)	QCVN 20:2009/BTNMT
1	Xylen	1,57	870
2	Toluen		750
	Etylbenzen		870

Biện pháp:

Công ty sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu bụi như sau:

- Bố trí công nhân quét dọn để thu gom bụi rơi vãi trên sàn nhà, tại các vị trí phát sinh bụi
- Trang bị khẩu trang, mắt kính chống bụi cho các công nhân làm việc trong xưởng sản xuất cũng như cho khách hàng ra vào xưởng.
- Hàng ngày cử công nhân viên quét dọn và thu gom hạt nhựa và các bụi rơi vãi tại cửa nạp liệu trong khu sản xuất.
- Hệ thống thông gió thông thoáng nhà xưởng.

Để đánh giá chất lượng môi trường không khí tại khu vực, tham khảo kết quả quan trắc định kỳ của Công ty:

Bảng 3. 4 Chất lượng môi trường không khí tại Khu vực sản xuất

Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	Benzen (mg/m ³)	Toluen (mg/m ³)
Khu vực xưởng sản xuất	9/6/2022	0,38	2,79	0,064	0,038	KPH	0,27
QCVN 02:2019/BYT		6,25	--	--	--	--	--
QCVN 03:2019/BYT		--	15,625	3,90625	3,90625	3,90625	78,125

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ in Gia Huy)

Nhận xét: Theo bảng cho thấy, nồng độ các chất ô nhiễm vẫn nằm trong tiêu chuẩn cho phép.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

➤ **Chất thải rắn sinh hoạt:**

Với số lượng công nhân của nhà máy là 80 người, làm phát sinh khối lượng rác thải sinh hoạt khoảng 40 kg/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sẽ được phân thành 02 loại như sau:

- Rác vô cơ: Gồm các loại phế thải thủy tinh, giấy, , nhựa, ...v.v.
- Rác hữu cơ: Gồm cây cỏ loại bỏ, lá rụng, rau quả hư hỏng, thực phẩm, đồ ăn thừa,...v.v

Với khối lượng riêng của rác thải sinh hoạt khoảng 300kg/m^3 , hệ số đầy của thùng là 0,85

$$\frac{40}{0,85 * 300 \text{ kg/m}^3} = 0,2 \text{ m}^3 = 157 \text{ lít}$$

Tổng thể tích các thùng chứa rác sinh hoạt ước tính = $(10 \times 1) + (20 \times 2) + (240 \times 1) = 290\text{l} > 157 \text{ lít}$.

Để thu gom lượng rác này, Chủ Dự án sẽ bố trí các thùng rác nhựa phân bố rải rác tại nhà xưởng, văn phòng, ... chức năng của mỗi thùng như sau:

- Thùng 10 lít (290x190x340mm) đặt tại nhà vệ sinh;
- Thùng 20 lít (345x340x440mm) đặt tại nhà xưởng;
- Thùng 240 lít (740x550x1010mm) đặt tại khu vực lưu chứa với diện tích 6m^2 để thuận tiện cho việc thu gom.

Đối với các loại rác thải sinh hoạt công ty đang ký hợp đồng với Hợp tác xã TM – DV – NN Vân Dương theo hợp đồng số 24/HĐDV-2022.

➤ **Chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

Nguồn phát sinh: Trong quá trình sản xuất của nhà máy, chất thải rắn phát sinh bao gồm bao bì giấy, bao nylon, thùng carton,... ước tính khối lượng khoảng 5kg/ngày.

Biện pháp: Các chất thải rắn có thể tận dụng lại được như nylon, giấy, ... sẽ được thu gom, phân loại và bán cho đơn vị thu gom phế liệu. Đối với chất thải không có khả năng tái sử dụng được Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cơ sở bao gồm: bóng đèn huỳnh quang, chất hấp phụ, vật liệu lọc,... Một số chất thải và khối lượng chi tiết của các chất thải nguy hại phát sinh như sau:

Bảng 3. 5 Danh mục các chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở trong một năm

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)	Mã CTNH
1.	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh các loại	Rắn	01	16 01 06
2.	Chất hấp phụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	157	18 02 01
3.	Nước thải có thành phần nguy hại	Lỏng	31	
Tổng			189	

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ in Gia Huy)

Biện pháp:

- Chất thải nguy hại được chứa trong thùng phuy có nắp đậy và lưu trữ tại khu vực lưu chứa tạm thời với diện tích 06m^2 . Thiết kế, cấu tạo của kho: tường bao quanh xây gạch, sàn nền BTCT, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che nắng,

mưa, xung quanh kho chứa CTNH có gờ bao cao 10cm tại vị trí cửa. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chữa cháy CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

– Công ty sẽ tiếp tục ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV SX TM Môi trường Á Châu theo hợp đồng số 88/2022/HĐCT/MTAC thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở

– Thường xuyên bảo dưỡng đảm bảo các máy móc, thiết bị hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

– Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

– Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

– Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

➤ Phòng chống cháy nổ

Biện pháp phòng ngừa, khắc phục và vệ sinh sau sự cố được mô tả chi tiết ở phần trên. Hệ thống chữa và báo cháy sẽ được thiết kế tuân theo các quy định của luật PCCC và các quy định liên quan do Việt Nam quy định. Kế hoạch ngăn ngừa và ứng phó như sau:

– Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

– Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

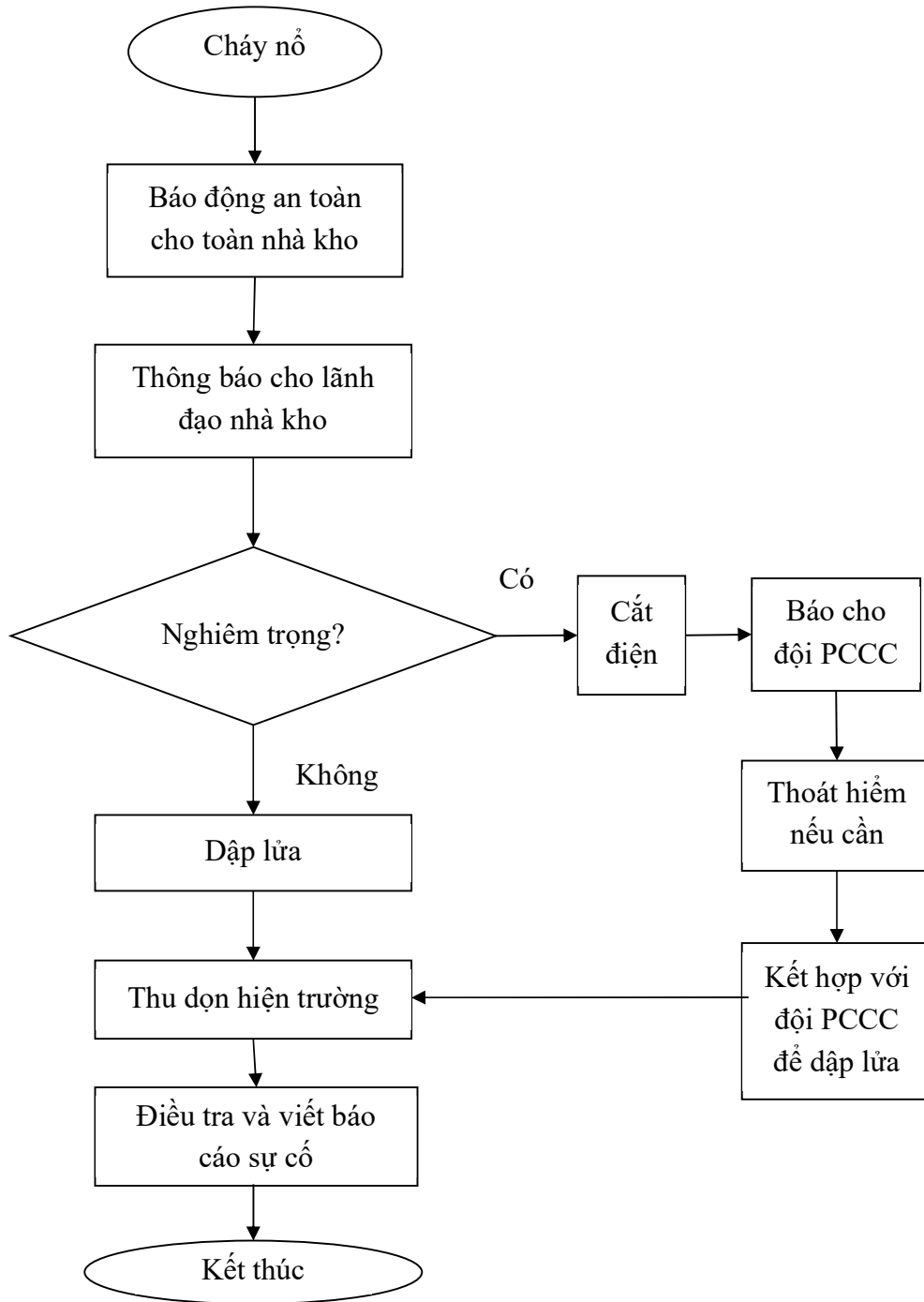
– Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

– Các sản phẩm trong kho sẽ được bố trí đảm bảo cự ly an toàn về phòng cháy nổ, hoặc các biện pháp phòng cháy nổ theo đúng các quy định trong các tiêu chuẩn hiện hành.

– Trang bị các bình chữa cháy di động tại vị trí cần thiết theo chỉ định bởi công an PCCC.

– Các trang thiết bị chữa cháy được bảo quản ở nơi thoáng mát, dễ thấy, dễ lấy khi cần thiết sử dụng; có các dấu hiệu nhận biết nhanh chóng nơi cất giữ theo quy định của PCCC.

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn để hạn chế việc rò rỉ điện
- Tuyệt đối tuân thủ các nguyên tắc về phòng chống cháy nổ khi vận chuyển cũng như sử dụng các vật liệu dễ gây cháy nổ.
- Đối với vật liệu dễ gây cháy nổ, chúng tôi sẽ có biển báo rõ ràng, dễ đọc.
- Trang bị hệ thống chỉ dẫn lối thoát nạn bao gồm:
 - Đèn Exit: Sử dụng các đèn chỉ dẫn thoát nạn hiện hữu và dán các bảng chỉ dẫn thoát nạn nhằm giúp cho người thoát nạn một cách dễ dàng và nhanh chóng khi có sự cố hỏa hoạn xảy ra.



Hình 3. 5 Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

➤ Phòng ngừa rò rỉ điện

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa được bố trí an toàn trong hộp cách điện để hạn chế việc rò rỉ điện.
- Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của các máy móc, vị trí kết nối giữa nguồn điện và thiết bị để có biện pháp khắc phục kịp thời.

– Thường xuyên định kỳ kiểm tra các mối nối, xiết chặt các chỗ đường dây nối vào thiết bị đóng cắt. Trên tủ điện chung nên có đặt rơ le bảo vệ điện áp thấp, dụng cụ đo Volt hay bóng đèn chỉ thị, để nhân viên vận hành theo dõi. Các động cơ cần đặt rơ le nhiệt bảo vệ quá dòng và bảo vệ mất cân bằng dòng 3 pha.

– Sử dụng vật liệu cách điện tốt.

– Lắp đặt các rơ le bảo vệ quá tải nhằm tránh hiện tượng điện quá tải kéo dài.

– Giữ gìn môi trường khô ráo, sạch sẽ không hóa chất, không ẩm.

– Các thiết bị điện và dây cáp là loại chịu được môi trường khắc nghiệt. Dây cáp điện được chôn ngầm dưới đất và lót các tại đoạn chôn ngầm và được bảo vệ cơ học.

– Các đường dây không lắp đặt trực tiếp lên sườn sắt của nhà xưởng và tránh các thiết bị có rung động thường xuyên.

– Lắp đặt thiết bị bảo vệ ngắn mạch như áp tô mát, cầu chì, hoặc rơ le quá dòng tốc độ cao.

➤ **Các biện pháp phòng ngừa sự cố đối với bể tự hoại**

– Thiết kế và xây dựng bể tự hoại đúng theo quy định, bể tự hoại được xây âm, chống thấm để đảm bảo chất ô nhiễm không thấm vào đất

– Thường xuyên kiểm tra bể tự hoại để phát hiện các sự cố và có biện pháp sửa chữa kịp thời

– Thường xuyên hút bùn trong bể tự hoại để đảm bảo thể tích chứa và phân hủy cặn của bể

– Lắp đặt ống thông hơi cho bể tự hoại để đảm bảo khí được thoát ra ngoài, đảm bảo hoạt động bình thường của bể tự hoại.

➤ **Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ và rò rỉ hóa chất:**

– Báo động

+ Ngay lập tức báo cho công nhân hay trưởng ca hay phụ trách phòng gần nơi chảy tràn, rò rỉ hóa chất.

+ Báo cho trung tâm bảo vệ sức khỏe và môi trường (nếu cần).

– Xác định vị trí hóa chất tràn đổ, rò rỉ

+ Nhanh chóng xác định hóa chất chảy tràn từ thùng, bể chứa nào.

+ Nhanh chóng xác định hóa chất, khí gas rò rỉ từ đường ống, van nào.

+ Xác định tên, vị trí chảy tràn, đường ống, van...

– Mang thiết bị bảo hộ lao động

+ Mặt nạ phòng độc, khẩu trang phòng độc,....

+ Các bảo hộ cá nhân khác,...

+ Các đơn vị sản xuất có trang bị dụng cụ phòng hộ (kính bảo hộ/ găng tay) các cá nhân đều được trang bị dụng cụ phòng hộ (nhét tai, nón an toàn v.v...).

+ Các đơn vị sản xuất có trang bị công cụ quét dọn vệ sinh không gian, và quản lý phân loại rác, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ và tái sử dụng tài vật liệu.

+ Nhân viên phòng thực nhiệm phải được qua đào tạo và tuyển chọn chuyên nghiệp, để có thể giảm thiểu đến tối sự cố tai nạn phát sinh.

- Tắt nguồn gây tràn: tắt các đường ống, van, thùng chứa gây rò rỉ
- + Đóng các van cần thiết hay tắt bơm liên quan để không cho tiếp tục gây tràn bể.
- + Để tránh trường hợp này, chuẩn bị bao cát, bông thấm ở những nơi cần thiết... và dùng các vật liệu này để thấm hóa chất chảy tràn hay rò rỉ.
- Cô lập khu vực rò rỉ
- + Dùng biển báo thanh chắn, hàng rào hay cho người đứng canh chừng không cho bất cứ ai đi qua khu vực rò rỉ.
- + Đóng tất cả các van xả hay dùng các phương tiện khác (nếu được) để ngăn không cho khí gas rò rỉ; hóa chất rò rỉ, chảy tràn xuống đất, hệ thống cống...
- + Dùng thùng hứng các hóa chất rò rỉ.
- + Thu hồi hóa chất chảy tràn, đổ.
- + Sửa chữa chỗ rò rỉ, vệ sinh sau sự cố.
- + Lập biên bản và viết báo cáo nguyên nhân và hậu quả sự cố.
- + Đối với khu vực lưu chứa hóa chất dạng lỏng tại cơ sở sẽ được bố trí rãnh thu gom xung quanh khu vực này. Khi có sự cố xảy ra, hóa chất rò rỉ được thu gom vào 1 hố ga của khu vực lưu chứa hóa chất dạng lỏng và được thu gom cùng CTNH tại cơ sở. Khi có sự cố tràn đổ chủ đầu tư sẽ thực hiện công tác thông thoáng và tạm ngưng hoạt động trong thời gian này.

➤ *Chiến lược quản lý sự cố bao gồm các bước:*

- - Phác thảo kế hoạch: là bước sơ khởi trong chiến lược quản lý sự cố.
- - Lập kế hoạch trên giấy: Việc vạch ra một phương hướng hành động cần phải thật chi tiết, hoàn chỉnh bằng văn bản giấy tờ. Bản kế hoạch chính thức cần phải có ý kiến hoặc được phê duyệt của lãnh đạo cơ quan hay các cấp có thẩm quyền để có tính khả thi.
- - Thực hiện kế hoạch
- - Hành động ứng cứu khẩn cấp và vệ sinh sau sự cố
- - Khi sự cố xảy ra, mọi hành động ứng cứu được thực hiện dựa trên nguyên tắc hàng đầu là bảo vệ tính mạng con người và cộng đồng dân cư, tiếp theo là bảo vệ môi trường, cuối cùng mới là bảo vệ thiệt hại về tài sản.

Hoạt động ứng cứu khi có sự cố bao gồm hai giai đoạn:

1. Giai đoạn ứng cứu.
2. Vệ sinh sau sự cố.
 - Hành động ứng phó khẩn cấp
 - Mỗi loại hoá chất đều có đặc tính riêng biệt, do đó khi sự cố xảy ra ta cần phải phán đoán chính xác nguyên nhân để thực hiện các biện pháp ứng cứu thích hợp. Người có trách nhiệm trong việc xử lý sự cố tại hiện trường cần phải nhanh chóng đưa ra những quyết định để ngăn chặn sự cố, phân tán sự cố, bảo đảm an toàn cho con người, môi trường và tài sản.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1.1 Nội dung đề nghị cấp phép xả thải

1.1.1 Nguồn phát sinh

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt của công nhân viên
- Nguồn số 2: nước thải từ quá trình rửa khung in

1.1.2 Dòng thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

1.1.2.1 Nguồn tiếp nhận: hệ thống thu gom nước thải chung của khu vực

1.1.2.2 Vị trí xả thải

- Vị trí: số 167/2 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp. HCM
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1200644, Y= 593788 (Theo hệ VN-2000, kinh tuyến 105^o45, múi chiều 3^o).

1.1.3 Lưu lượng xả thải lớn nhất: 40 m³/ngày.đêm

1.1.3.1 Phương thức xả nước thải: bom

1.1.3.2 Chế độ xả thải: liên tục

1.1.3.3 Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (ghi chú quy chuẩn áp dụng), cụ thể như sau:

STT	Thông số	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
1.	pH	5,5 - 9
2.	Độ màu	150
3.	TSS	100
4.	BOD ₅	50
5.	COD	150
6.	Tổng Nito	40
7.	Tổng phospho	6
8.	Chì	0,5
9.	Asen	0,1
10.	Crom (VI)	0,1
11.	Kẽm	3
12.	Niken	0,5
13.	Tổng Coliform ^(*)	5.000

1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1.2.1 Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.2.1.1 Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

– Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động nhà vệ sinh, sinh hoạt của công nhân viên sau bể tự hoại với lưu lượng 6,4m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty sau đó đầu nối ra hệ thống thoát nước chung của khu vực tại 01 điểm đầu nối trên đường Đại Lộ Thống Nhất với tọa độ X=1200644; Y=593788 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰).

– Nguồn số 2: Nước thải sản xuất từ công đoạn rửa khung in với lưu lượng 4 m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty, sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Khu vực tại 01 điểm tọa độ X=1200644; Y=593788 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰).

1.2.1.2 Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bồn trung gian → Cột lọc áp lực → Bể thu gom (Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu vực)

+ Nước thải sản xuất → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng 1 → Bể trung hòa → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Bơm đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 2.

– Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polime, NaOH, Chlorine.

1.2.1.3 Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.2.1.4 Biên pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

– Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống thu gom, xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

– Khi bể tự hoại tắc nghẽn do đầy, cần hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng quy định.

– Khi phát hiện đường ống dẫn nước thải bị rò rỉ nước cần khắc phục kịp thời để tránh nước thải tràn ra bên ngoài.

– Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố chưa thể khắc phục ngay và ngưng hoạt động nếu cần.

– Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

1.2.2 Kế hoạch vận hành thử nghiệm

1.2.2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến từ tháng 04 năm 2023 đến tháng 07 năm 2023.

1.2.2.2 Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm

– Hệ thống xử lý nước thải với công suất 40 m³/ngày.đêm.

❖ **Vị trí lấy mẫu:** Theo vị trí được cấp phép tại phần 1, hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰

- ❖ **Chất ô nhiễm chính và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:** theo giới hạn cho phép quy định tại phần 1.1.3.3.

1.2.2.3 Tần suất lấy mẫu

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn ổn định của Công trình xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp
- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu: đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải
- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần.

1.2.3 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh và thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của khu vực.
- Đảm bảo phương án đấu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.
- Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt quy chuẩn theo quy định.
- Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải và yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải: không áp dụng

3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường

3.1 Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung

3.1.1 Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung từ hệ thống xử lý nước thải

3.1.2 Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Tọa độ: X = 1200647, Y = 593791

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°)

3.1.3 Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

📌 Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

📌 Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
----	----------------------------------------------------------------	--	---------

	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	
1	70	60	-	Khu vực thông thường

3.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

3.2.1 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

– Thường xuyên bảo dưỡng đảm bảo các máy móc, thiết bị hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

– Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

– Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

– Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

3.2.2 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.2.2.1 Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần 3.1, chương V. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới bổ sung hoặc thay thế quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.2.2.2 Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.1 Quản lý chất thải rắn

4.1.1 Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

4.1.1.1 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1.	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh các loại	Rắn	01	16 01 06
2.	Chất hấp phụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	157	18 02 01
3.	Nước thải có thành phần nguy hại	Lỏng	31	
Tổng			189	

4.1.1.2 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bao bì, nylon, giấy văn phòng, thùng carton	1.560
TỔNG KHỐI LƯỢNG		1.560

4.1.1.3 Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	12.480

4.1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu giữ: thùng phuy có nắp đậy
- Kho/khu vực chứa trong nhà:
- + Diện tích kho: 06m²
- + Thiết kế, cấu tạo: tường bao quanh xây gạch, sàn nền BTCT, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che nắng, mưa, xung quanh kho chứa CTNH có gờ bao cao 10cm tại vị trí cửa. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

4.1.2.2 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy
- Kho/khu vực lưu chứa: không bố trí khu vực lưu chứa

4.1.2.3 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy
- Kho/khu vực lưu chứa:
- + Diện tích kho: 06m²
- + Thiết kế, cấu tạo: có tường bao, mái che, nền bê tông, gờ chống tràn.

4.1.2.4 Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2 Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và

phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường

5.1 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ in Gia Huy có trách nhiệm thực hiện các công tác bảo vệ môi trường theo đúng nội dung giấy phép môi trường được cấp phép trong quá trình hoạt động.

5.2 Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5.3 Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.4 Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Bảng 5. 1 Kết quả chất lượng nước thải của cơ sở năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	9/6/2022	26/11/2022	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B
1.	pH	-	6,64	6,45	5,5 – 9
2.	TSS	mg/L	46	56	100
3.	COD	mg/L	62	80	150
4.	BOD ₅	mg/L	27	35	50
5.	Tổng N	mg/L	8,95	11,1	40
6.	Tổng P	mg/L	1,12	0,66	6
7.	Amoni	mg/L	2,31	1,82	10
8.	Zn	mg/L	0,094	0,045	3
9.	Ni	mg/L	0,031	0,059	0,5
10.	Cr (VI)	mg/L	KPH	KPH	0,1
11.	As	mg/L	KPH	KPH	0,1
12.	Độ màu	mg/L	49,6	13,9	150
13.	Coliform	MPN/100ml	3.100	2.200	5.000

(Nguồn: Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động)

Nhận xét: Qua bảng cho thấy, nồng độ ô nhiễm trong nước thải nằm ở quy chuẩn cho phép.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Bảng 5. 2 Kết quả chất lượng không khí của cơ sở năm 2022

Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Độ ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	Benzen (mg/m ³)	Toluen (mg/m ³)
Khu vực công	9/6/2022	59	0,15	1,36	0,045	0,017	KPH	KPH
	26/11/2022	55	0,21	1,85	0,036	0,012	KPH	KPH
QCVN 26:2010/BTNMT		6h – 21h: 70 21h – 6h: 55	--	--	--	--	--	--
QCVN 05:2013/BTNMT		--	0,3	30	0,35	0,2	--	--
QCVN 06:2009/BTNMT		--	--	--	--	--	0,022	1
Khu vực xưởng	9/6/2022	70	0,38	2,79	0,064	0,038	KPH	0,27
	26/11/2022	59	0,56	2,81	0,075	0,033	KPH	0,18

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Độ ồn (dBA)	Bụi (mg/m³)	CO (mg/m³)	SO₂ (mg/m³)	NO₂ (mg/m³)	Benzen (mg/m³)	Toluen (mg/m³)
sản xuất								
QCVN 24:2016/BYT		≤85	--	--	--	--	--	--
QCVN 02:2019/BYT		--	6,25	--	--	--	--	--
QCVN 03:2019/BYT		--	--	15,625	3,90625	3,90625	3,90625	78,125

(Nguồn: Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động)

Nhận xét: Qua bảng cho thấy, nồng độ ô nhiễm trong không khí nằm ở quy chuẩn cho phép.

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6. 1 Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến
A	Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.				
B	Giai đoạn vận hành ổn định: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tục (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình).				
1	Tại hố ga đầu vào của hệ thống xử lý nước thải	pH, màu, BOD ₅ , COD, TSS, Amoni, Tổng Nito, Tổng phospho, Chì, Asen, Crom (VI), Kẽm, Niken, Coliform.	04/2023	7/2023	
2	Tại hố ga đầu ra của HTXL nước thải	pH, màu, BOD ₅ , COD, TSS, Amoni, Tổng Nito, Tổng phospho, Chì, Asen, Crom (VI), Kẽm, Niken, Coliform.	04/2023	7/2023	

1.2 Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 6. 2 Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Số mẫu	Thời gian lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
A	Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.				
B	Giai đoạn vận hành ổn định: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tục (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình).				
1	Tại hố ga đầu vào của hệ thống xử lý nước thải	pH, màu, BOD ₅ , COD, TSS, Amoni, Tổng Nito, Tổng phospho, Chì, Asen, Crom (VI), Kẽm, Niken, Coliform.	03	Thực hiện theo khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT - BTNMT	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
2	Tại hố ga đầu ra của HTXL nước thải	pH, màu, BOD ₅ , COD, TSS, Amoni, Tổng Nito, Tổng phospho, Chì, Asen, Crom (VI), Kẽm, Niken, Coliform.	03		

❖ **Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú

- Địa chỉ liên hệ: 156 đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 0909210925 Email: thuys2.co.uk@gmail.com

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 292 theo Quyết định số 218/QĐ-BTNMT ngày 27/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải

Quan trắc nước thải:

- Vị trí giám sát: Nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom của khu vực.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, màu, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Tổng Nito, Tổng phospho, Chì, Asen, Crom (VI), Kẽm, Niken, Coliform.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B

Quan trắc chất thải rắn:

- Tần suất giám sát: thường xuyên liên tục

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại.

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: 40.000.000 đồng

Bảng 6. 3 Kinh phí dự kiến thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Mẫu quan trắc	Thông số	Số lượng	Tần suất/năm	Đơn giá	Chi phí
01 điểm (tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực).	pH, màu, BOD ₅ , COD, TSS, Amoni, Tổng Nito, Tổng phospho, Chì, Asen, Crom (VI), Kẽm, Niken, Coliform.	01	02 lần/năm	8.000.000	16.000.000
Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại.	Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.	03	Thường xuyên	20.000.000	20.000.000

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Mẫu quan trắc	Thông số	Số lượng	Tần suất/năm	Đơn giá	Chi phí
Chi phí nhân công lấy mẫu	-	3 người	02	1.000.000	6.000.000
Chi phí phương tiện đi lại	-	-	02	2.000.000	4.000.000
Tổng cộng					46.000.000

Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu

Chủ cơ sở cam kết đảm bảo tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam, các Nghị định, Thông tư và các quy định liên quan, thực hiện tốt các biện pháp khống chế và giảm thiểu các tác động xấu đã nêu trong báo cáo này, hoàn thành các công trình xử lý môi trường trước khi đi vào hoạt động chính thức cụ thể là:

- Thực hiện các biện pháp khống chế và giảm thiểu ô nhiễm không khí theo đúng quy định. Chủ cơ sở cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các công đoạn tại cơ sở không ảnh hưởng đến các doanh nghiệp xung quanh. Trường hợp cơ sở xử lý không đạt quy chuẩn sẽ ngưng hoạt động để tiến hành cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý, đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi tiến hành đưa vào vận hành.

- Cam kết thực hiện các công trình bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại đúng quy định.

- Thực hiện các biện pháp chống ồn và rung.

- Thực hiện tốt các biện pháp phòng chống cháy nổ. Xây dựng hệ thống chống sét, chống ồn, rung cho các thiết bị.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn hóa chất

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ như đã nêu trong chương 6

- Phối hợp với các cơ quan chức năng về quản lý môi trường để nhận được sự hỗ trợ và hướng dẫn kịp thời trong công tác quản lý môi trường.

2. Cam kết thực hiện luật pháp, các quy định chung về bảo vệ môi trường

Chủ cơ sở cam kết trong quá trình cơ sở đi vào vận hành chính thức đảm bảo tuân thủ tốt Luật môi trường, các chất ô nhiễm thải ra môi trường đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành, bao gồm:

❖ Về môi trường không khí

- Môi trường không khí xung quanh: Tuân thủ các quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí xung quanh.

- Môi trường sản xuất đạt QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT và QCVN 26:2016/BYT.

❖ Về nước thải

Nước thải phát sinh từ cơ sở được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B

❖ Về chất thải rắn

- Chất thải rắn thông thường và chất thải không nguy hại được quản lý theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng yêu cầu với sự hỗ trợ của đơn vị có chức năng. Chất thải rắn không nguy hại được thu gom, tập trung và bán cho đơn vị có chức năng thu mua.

- Chất thải nguy hại: được thực hiện đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải được phân loại, lưu trữ và giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại thu gom, xử lý.

Chủ cơ sở cam kết thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn từ khi cơ sở đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc cơ sở. Đồng thời cam kết sẽ đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai cơ sở. Cam kết phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường sau khi cơ sở kết thúc vận hành.

Công Ty TNHH Thương mại Dịch vụ in Gia Huy cam kết thực hiện tốt các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và nội dung báo cáo, xử lý các loại chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành. Công ty chịu trách nhiệm về các biện pháp bảo vệ môi trường đối với toàn bộ cơ sở trong suốt quá trình hoạt động, thực hiện giám sát và vận hành các công trình xử lý môi trường, đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác quản lý an ninh, trật tự, tệ nạn xã hội.

Cam kết thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường trước khi đưa cơ sở vào vận hành thương mại.

Cam kết xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 theo quy định.

Công ty cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy định về bảo vệ Môi trường, nếu để xảy ra sự cố môi trường, các hoạt động xả thải vượt tiêu chuẩn, quy chuẩn Môi trường Việt Nam quy định.